

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN: TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT
(Kèm theo Quyết định số: 138 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Trại chăn nuôi heo thịt.
- Chủ dự án: Hộ kinh doanh Nguyễn Đức Thần.
- Địa điểm thực hiện, địa chỉ liên hệ: Thôn 5, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Trại chăn nuôi heo thịt tại thôn 5, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.
- Quy mô: 4.800 heo thịt/năm (2.400 con/lứa).
- Diện tích: 18.416,8 m².
- Các hạng mục, công trình dự án:
 - + Các công trình chính: 02 chuồng nuôi 2.880 m²; chuồng cách ly heo bệnh 120 m²; kho chứa cám 150 m²; kho dụng cụ 20 m²;
 - + Các công trình phụ trợ: Nhà điều hành và nhà để xe 180,6 m²; nhà khử trùng trước khi vào trại 15 m²;
 - + Các hạng mục công trình thu gom xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thu gom nước mưa, nước thải; công trình xử lý chất thải rắn (nhà ủ phân 150 m²) và chất thải rắn nguy hại (kho chứa 10 m²); hệ thống cây xanh.

1.2. Tổng vốn đầu tư dự án: 3.596.347.000 đồng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.
- Giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, mùi, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi heo.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- a) *Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*
 - Nước thải sinh hoạt khoảng 02 m³/ngày đêm; thành phần nước thải: Chất hữu cơ dễ phân huỷ (COD, BOD₅, SS) và các vi khuẩn (*E.Coli*, *Coliform*).
 - Nước thải thi công 01 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là chất hữu cơ như dầu nhớt, xi măng, cát.
 - Nước mưa chảy tràn khoảng 903,25 m³/ tháng mùa mưa; thành phần chủ yếu là đất cát, rác thải, chất rắn trên bề mặt.
- b) *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:*

- Nước thải sinh hoạt khoảng 0,48 m³/ngày đêm; thành phần nước thải: Chất cặn bã hữu cơ, chất hữu cơ hòa tan, vi trùng gây bệnh, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn khoảng 903,25 m³/ tháng mùa mưa; thành phần chủ yếu là đất cát, rác thải, chất rắn trên bề mặt.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi (*bài tiết, tắm, rửa chuồng trại...*) khoảng 28,2 m³/ngày đêm; thành phần là hàm lượng các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng được biểu thị qua các thông số như: COD, BOD₅, tổng N, tổng P, TSS.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động san lấp mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, chất thải trong quá trình san lấp, thi công xây dựng; bụi, khí thải từ thi công các hạng mục công trình; thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO₂, SO₂.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO₂, SO₂; mùi, khí thải từ hoạt động chăn nuôi, hoạt động thu gom, xử lý nước thải, phân heo.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 20 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ như: rau củ quả thừa, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn xây dựng khoảng 220 kg/tháng; thành phần chủ yếu là đá, cát, xi măng rơi vãi, đất đào.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ như: Rau củ quả thừa, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi khoảng 9,6 tấn/ngày đêm; thành phần chủ yếu là phân heo.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, sau khi ép là khoảng 21 m³/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ khoảng 01- 03 kg/tháng, dầu động cơ thải bỏ khoảng 9,28 lít dầu nhớt thải/tháng.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Các loại bao bì, chai lọ đựng hóa chất; bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy, pin khoảng 5,5-8 kg/tháng. Ngoài ra, khi xảy ra dịch bệnh, heo chết tối đa khoảng 216 tấn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Nước thải sinh hoạt: được thu gom bằng đường ống nhựa PCV và xử lý bằng 02 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích mỗi bể là 05 m³.

- Nước mưa chảy tràn: thu gom nước mưa bằng mương đất kích thước 327mx0,3mx0,3m; cuối mương bố trí hố thu nước tập trung kích thước 1mx1mx1m; nước sau khi lắng sẽ thoát ra khe suối nhỏ ở phía Nam khu vực dự án.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

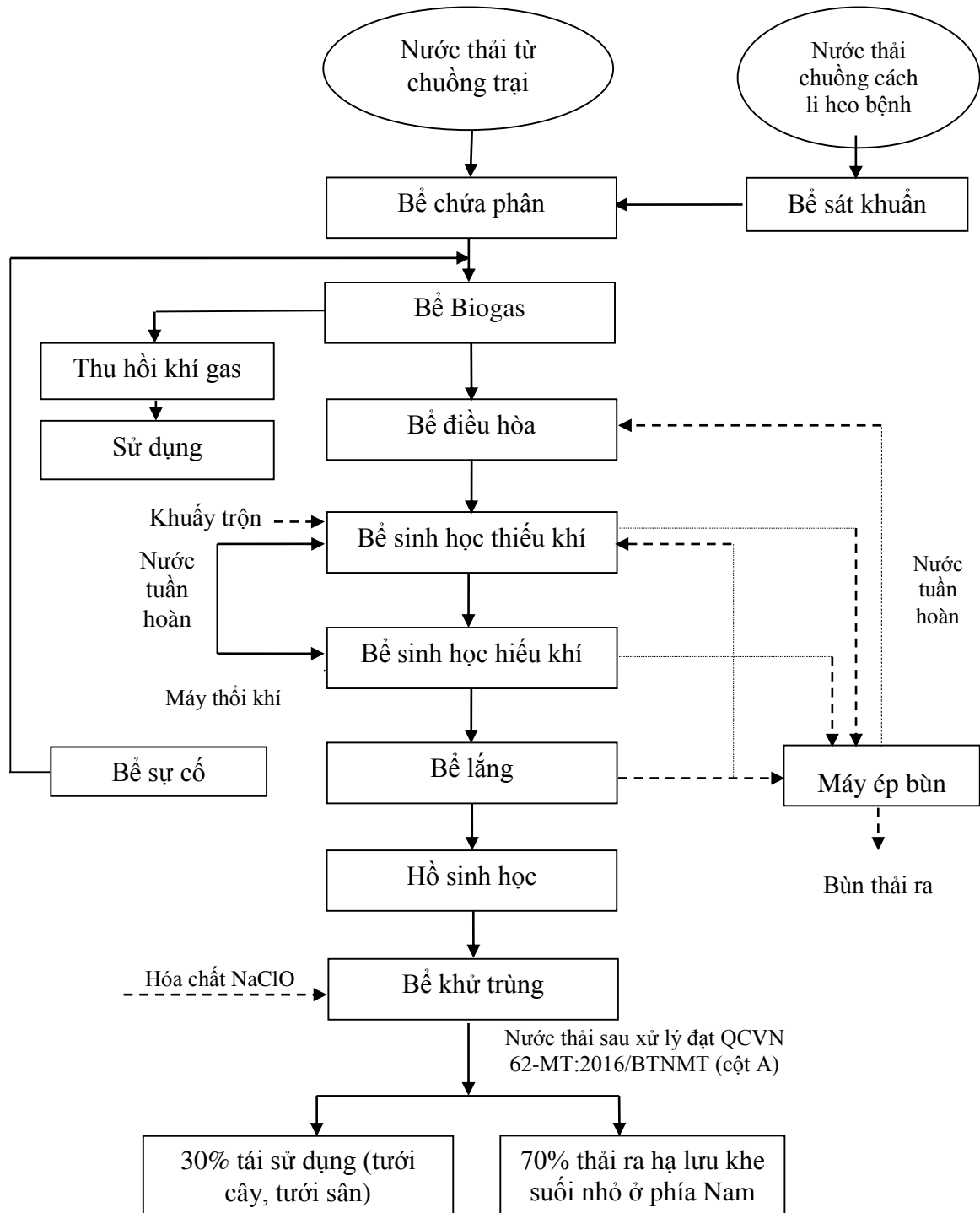
- Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn: Tận dụng bể tự hoại 03 ngăn được đầu tư xây dựng trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án để xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: thu gom bằng mương bê tông kích thước 327,7mx0,4mx0,4m và có độ dốc $i=0,3\%$; bố trí song chắn rác và 07 hố ga có kích thước 1mx1mx1m để lắng đất cát, rác trước khi đổ ra khe suối nhỏ ở phía Nam khu vực dự án.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo:

+ Công trình thu gom nước thải: Thu gom bằng đường ống nhựa PVC, đường kính D250mm với tổng dài khoảng 40m.

+ Nước thải sau khi được thu gom sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 78 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý như sau:



+ Nước thải sau khi xử lý đạt cột A - QCVN 62-MT:2016 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi có giá trị C với $K_q=0,9$, $K_f=1,3$. Nước thải sau xử lý được tái tuần hoàn 30% ($8,46 m^3/ngày đêm$) vào mục đích tưới cây, tưới sân; 70% ($19,74 m^3/ngày đêm$) lượng nước còn lại thải ra hạ lưu của khe suối nhỏ ở phía Nam khu vực dự án (*khe suối chảy ra suối Đăk Gui, nằm cách khu vực dự án khoảng 600 m*).

- Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải:

- + Bể chứa phân: kích thước 10mx6mx1,5m, kết cấu bê tông;
- + Bể sát khuẩn: kích thước 2,5mx2mx2m, kết cấu bê tông cốt thép;
- + 02 Bể biogas: kích thước 20mx10mx5m, kết cấu dạng hồ đắp đất đầm nén, phủ và lót HDPE dày 1mm;
- + Bể điều hòa: kích thước 4mx2,5mx2m, kết cấu bê tông cốt thép, sử dụng bơm nước thải và phao báo mực nước;
- + Bể sinh học thiếu khí: kích thước 5mx4mx3m, kết cấu hồ đắp đất, lót HDPE, sử dụng máy khuấy trộn;
- + Bể sinh học hiếu khí: kích thước 7mx5mx2m, kết cấu hồ đắp đất, lót HDPE, sử dụng máy thổi khí hoạt động luân phiên;
- + Bể lắng: kích thước 3mx2mx5m, kết cấu hồ đắp đất, lót HDPE, sử dụng ống phân phối trung tâm; máng thu nước; hệ thống gạt bùn; máy ép bùn;
- + Hồ sinh học: kích thước 15mx10mx2m, kết cấu hồ đắp đất, lót HDPE;
- + Bể khử trùng: kích thước 2mx1mx1m, kết cấu, sử dụng bơm định lượng hóa chất và bồn chứa hóa chất.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; xử lý nước thải chăn nuôi đạt cột A - QCVN 62-MT:2016 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; môi trường nước mặt gần khu vực dự án đảm bảo đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) *Giai đoạn triển khai xây dựng dự án*:

- Phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền.
- Phun nước trên các tuyến đường giao thông nội bộ, che chắn bãi chứa.
- Kiểm soát phương tiện vận chuyển các xe được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển.
- Vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

b) *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*:

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại; xây dựng hệ thống thu gom nước thải tránh phát tán mùi hôi.
- Lắp đặt quạt thông gió chuồng trại; lắp đặt chụp hút và cột than hoạt tính để hấp thụ mùi hôi và khí thải sau hệ thống quạt.

- Phun chế phẩm sinh học khu vực xử lý chất thải để giảm thiểu mùi hôi.
- Lắp đặt hệ thống thu hồi, đốt khí sinh học từ bể biogas.
- Trồng cây xanh xung quanh khu chăn nuôi, khu xử lý chất thải.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Phải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Cát, đá, xà bần dư thừa, đất đào thi công các hạng mục công trình được tập kết tạm thời tại khu đất dự án, sử dụng để đắp bờ các hồ của hệ thống xử lý nước thải và san lấp nền tại các vị trí có địa hình trũng tại khu vực dự án.

- Chất thải sinh hoạt: thu gom và vận chuyển đến điểm thu gom rác tập trung của xã.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến vị trí có đội thu gom chất thải sinh hoạt của thị trấn Đắk Hà để xử lý hàng ngày.

- Phân heo theo nước thải được thu gom về bể chứa phân 03 ngăn có dung tích 90m³, sau đó phân cặn lắng tại bể chứa phân sẽ được bơm vào máy ép để ép tách nước trước khi đem đi ủ phân để bán và bón cho cây trồng.

- Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được hút định kỳ với tần suất 11 lần/năm vào mùa khô, bùn thải sau khi được hút lên sẽ được ép tách nước và đem ủ làm phân vi sinh.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m² và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Đối với xác heo chết sẽ được tập kết tại chuồng cách ly heo bệnh có diện tích 100m², sau đó báo cáo với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đắk Hà cùng với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Wang để phối hợp xử lý.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chủ dự án thực hiện đầy đủ việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- Bảo trì máy móc thiết bị; không sử dụng thiết bị có độ ồn lớn vào ban đêm; thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Xây dựng chuồng chăn nuôi khép kín; thực hiện đúng quy trình chăn nuôi.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bảo đảm QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác.

3.6. Biện pháp ứng phó với sự cố môi trường

- Xây dựng bể phòng ngừa sự cố của hệ thống xử lý nước thải kích thước 10m \times 5m \times 4m, đắp đất lót HDPE.

- Tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình xử lý khí thải: Hệ thống chụp hút và cột than hoạt tính.

- Công trình xử lý nước thải:

+ Công trình thu gom nước mưa: mương thu gom bê tông và các hố ga.

+ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: bể tự hoại.

+ Công trình thu gom nước thải: đường ống thu gom nhựa PVC.

+ Công trình xử lý nước thải: hệ thống xử lý nước thải công suất 78 m³/ngày đêm.

- Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 02 thùng, dung tích 120 lít/thùng.

+ Công trình thu gom, xử lý phân: bể chứa phân dung tích 90m³, nhà ủ phân 150m².

+ Công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại: Kho chứa 10m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công dự án

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:

+ Tại khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602622, Y = 552622)

+ Tại khu vực nhà dân gần nhất. Tọa độ: (X = 1602634, Y = 553315).

- Các thông số giám sát: Tiếng ồn, nhiệt độ; bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃, CH₄.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe suối nhỏ gần khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602362, Y = 552656)

- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, Amoni, Nitrat, E-Coli, tổng Coliform

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

c) Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:
- + Tại khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602561, Y = 552633).
- + Tại khu vực nhà dân gần nhất. Tọa độ: (X = 1602362, Y = 553290).
- Các thông số giám sát: pH, độ cứng (tính theo CaCO₃), NO³⁻, Phenol, SO₄²⁻, Coliform, Cu, Pb, Fe, As, E.Coli
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

5.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau hệ thống chụp hút và cột than hoạt tính (*sau chuồng nuôi*).
- Các thông số giám sát: tiếng ồn, nhiệt độ, bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃, CH₄.
- Tần suất giám sát: Theo quy định của hồ sơ vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: Theo quy định của hồ sơ vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với hệ thống XLNT công suất 78m³/ngày đêm.
- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Coliform, lưu lượng (*các thông số giám sát theo từng công đoạn được thực hiện theo quy định của hồ sơ vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).
- Tần suất giám sát: Theo quy định của hồ sơ vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:
- + Tại khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602622, Y = 552622)
- + Tại khu vực nhà dân gần nhất. Tọa độ: (X = 1602634, Y = 553315).
- Các thông số giám sát: tiếng ồn, nhiệt độ, bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃, CH₄.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

b) Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khe suối nhỏ gần khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602362, Y = 552656).
- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, Amoni, Nitrat, E-Coli, tổng Coliform
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

c) Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 02 vị trí:
- + Tại khu vực dự án. Tọa độ: (X = 1602561, Y = 552633).
- + Tại khu vực nhà dân gần nhất. Tọa độ: (X = 1602362, Y = 553290).
- Các thông số giám sát: pH, độ cứng (tính theo CaCO₃), NO³⁻, Phenol, SO₄²⁻, Coliform, Cu, Pb, Fe, As, E.Coli
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

d) Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.
- + Tại đầu vào của HTXLNT. Tọa độ: (X = 1602506; Y = 552601).
- + Tại đầu ra của HTXLNT. Tọa độ: (X = 1602452; Y = 552552).
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Coliform, lưu lượng.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

e) Giám sát chất thải khác:

Giám sát khối lượng, thành phần của từng loại chất thải (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải nguy hại*) và biện pháp thu gom xử lý; tần suất giám sát: thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Lập kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ. Các công trình xử lý chất thải chỉ được vận hành khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Thực hiện các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ, lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trong thi công, vận hành công trình và đảm bảo ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Wang theo các ý kiến đã tham vấn và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.
